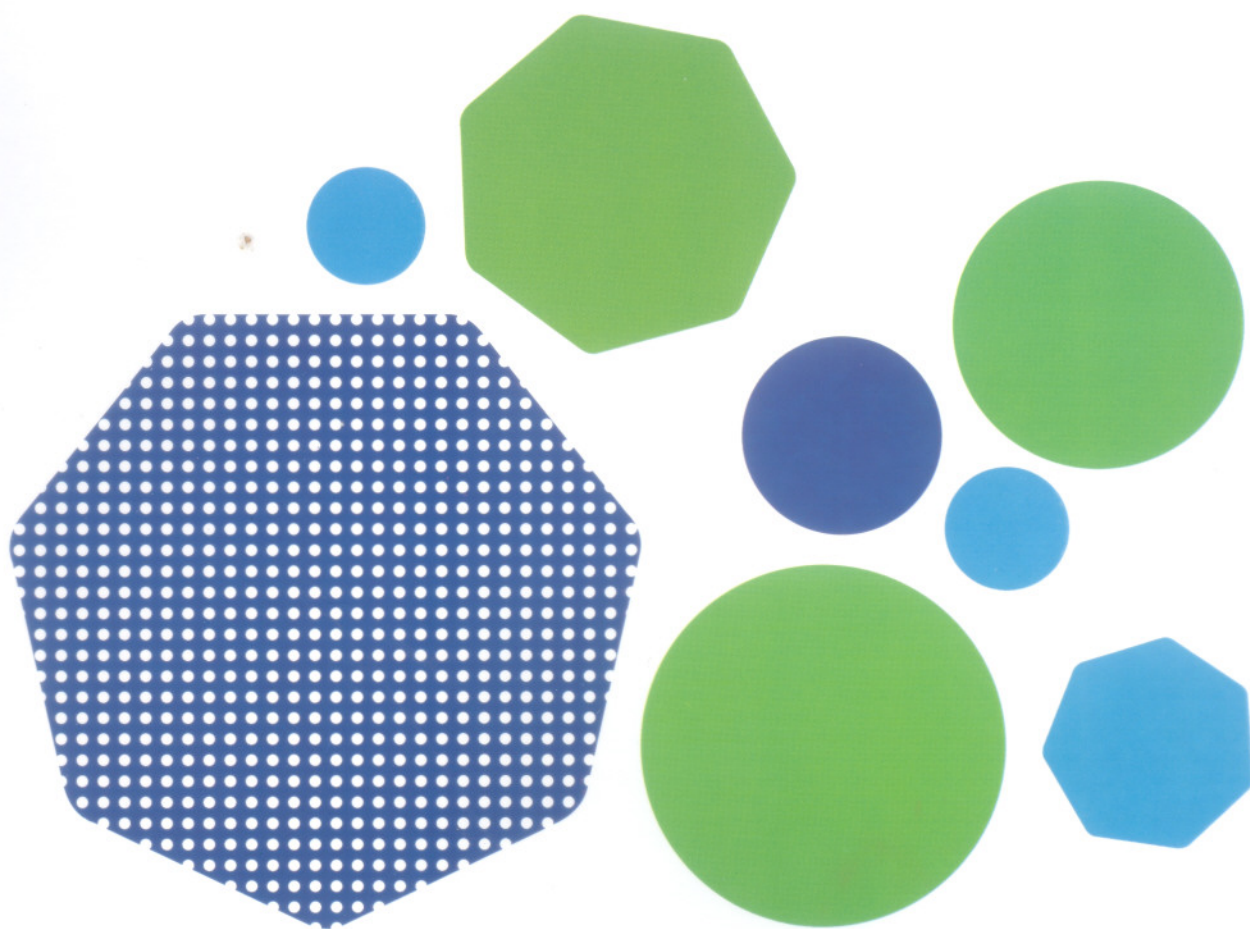


CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU THANH HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hợp	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thu Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Kim Hoàng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bình	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Vân	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thúy Khang	Trưởng ban
Ông Bùi Quang Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Kiều Nhi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Minh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thế Huân	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Đào Ngọc Bình

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Số: 140 /2016/UHY ACA-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21/03/2016, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 07 và Thuyết minh số 15 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2008 Công ty ký 02 hợp đồng với Công ty SHP Steriltecjnik AG (Gustav-Ricker-Phố 62, D-39120 Magdeburg/Đức) gồm: Hợp đồng bán hàng số SHP - THANHHA/01/08 ngày 10/04/2008 và Hợp đồng bán hàng số SHP - THANHHA/02/08 ngày 10/04/2008 về việc cung cấp các thiết bị y tế và dịch vụ đi kèm. Công ty đã thực hiện ứng trước trực tiếp tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG số tiền khoảng 15 tỷ đồng và mở thư tín dụng (LC) tại ngân hàng tương đương với 60% giá trị hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty SHP Steriltecjnik AG không thực hiện giao hàng. Đến ngày 31/12/2010, LC mở ra để thực hiện hợp đồng này đã hết hạn và hai bên đã không tiếp tục thực hiện hợp đồng này nữa.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Ngoài ra, cũng liên quan đến giao dịch nhập khẩu thiết bị trên Công ty đã ký Hợp đồng kinh tế số 088 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 và hợp đồng kinh tế số 089 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 với Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công trình (nay là Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam) về việc cung cấp 02 hệ thống xét nghiệm di động & 02 hệ thống khử khuẩn cho Bộ Y tế Việt Nam sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW). Theo điều khoản của các hợp đồng này Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam đã ứng trước cho Công ty 8,2 tỷ đồng.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa đòi được tiền từ nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG và Công ty cũng không thực hiện trả lại tiền đặt cọc cho Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam. Do có dấu hiệu không bình thường giữa các bên tham gia giao dịch này, Cơ quan công an đã tiến hành thu thập thông tin điều tra. Các trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến các khoản công nợ nói trên sẽ được xác định cụ thể tùy thuộc vào sự đàm phán giữa các bên và phán quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi khoản công nợ trả trước cho nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG cũng như nghĩa vụ phải trả đối với khoản công nợ người mua trả tiền trước của Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.2 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản lỗ lũy kế 169.393.773.333 đồng của Công ty trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản của Công ty là 144.533.664.008 đồng, dẫn đến nguồn vốn chủ sở hữu bị âm số tiền tương ứng. Những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 29.2, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, tình hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào khả năng thu hồi công nợ phải thu cùng việc đàm phán giãn nợ cho các khoản vay Ngân hàng của Ban Điều hành Công ty và huy động vốn góp bổ sung từ các cổ đông bên ngoài.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tự Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Thu Hà
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.230.743.915	21.672.472.793
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.026.229.582	4.787.739.116
Tiền	111		1.026.229.582	4.787.739.116
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	343.620.800	309.354.000
Chứng khoán kinh doanh	121		458.250.000	458.250.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(114.629.200)	(148.896.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.905.015.523	15.687.097.275
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.377.000.288	8.686.510.790
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	103.641.376.901	107.238.078.281
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.381.175.602	1.257.045.472
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(101.494.537.268)	(101.494.537.268)
Hàng tồn kho	140	9	869.787.250	788.260.716
Hàng tồn kho	141		869.787.250	788.260.716
Tài sản ngắn hạn khác	150		86.090.760	100.021.686
Thuế GTGT được khấu trừ	152		86.090.760	100.021.686
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.933.045.396	7.414.455.216
Tài sản cố định	220		6.821.072.063	7.159.836.785
Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.536.709.737	6.835.717.480
- Nguyên giá	222		16.211.204.237	15.604.244.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.674.494.500)	(8.768.526.757)
Tài sản cố định vô hình	227	11	284.362.326	324.119.305
- Nguyên giá	228		943.668.798	943.668.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(659.306.472)	(619.549.493)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251	12	2.907.000.000	2.907.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.907.000.000)	(2.907.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		111.973.333	254.618.431
Chi phí trả trước dài hạn	261		111.973.333	254.618.431
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.163.789.311	29.086.928.009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		170.697.453.319	165.840.319.294
Nợ ngắn hạn	310		170.697.453.319	165.840.319.294
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.751.832.942	414.258.339
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	8.735.397.881	8.898.983.514
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.583.061	2.583.061
Phải trả người lao động	314		92.000.000	73.445.304
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	80.048.543.669	71.580.634.405
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	9.081.673	32.146.583.107
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	77.134.994.879	51.800.812.350
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		923.019.214	923.019.214
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(144.533.664.008)	(136.753.391.285)
Vốn chủ sở hữu	410	18	(144.533.664.008)	(136.753.391.285)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.700.000.000	12.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.700.000.000	12.700.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.500.000.000	3.500.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.660.109.325	8.660.109.325
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(169.393.773.333)	(161.613.500.610)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(161.613.500.610)	(147.781.602.262)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(7.780.272.723)	(13.831.898.348)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.163.789.311	29.086.928.009

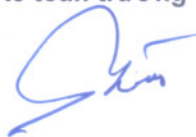
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Đào Ngọc Bình

Kế toán trưởng



Đào Ngọc Bình



Tổng Giám đốc

Trần Thị Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	42.122.757.016	38.900.578.469
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42.122.757.016	38.900.578.469
Giá vốn hàng bán	11	21	35.924.264.215	34.808.229.673
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.198.492.801	4.092.348.796
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	187.926.250	447.875.626
Chi phí tài chính	22	23	8.934.847.578	12.397.498.453
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.427.221.569	12.228.099.591
Chi phí bán hàng	25	24	1.593.840.185	1.519.283.207
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	4.078.056.604	4.494.422.436
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.220.325.316)	(13.870.979.674)
Thu nhập khác	31	26	440.052.593	39.081.326
Lợi nhuận khác	40		440.052.593	39.081.326
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.780.272.723)	(13.831.898.348)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.780.272.723)	(13.831.898.348)

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Đào Ngọc Bình

Kế toán trưởng



Đào Ngọc Bình

Tổng Giám đốc



Trần Thị Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		37.570.922.035	117.957.103.273
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(38.351.925.451)	(119.738.178.006)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.028.042.674)	(1.242.964.287)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.035.901.489	2.352.801.737
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.526.739.307)	(151.247.342)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		3.700.116.092	(822.484.625)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(523.656.000)	(376.263.111)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	30.360.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77.696.020	447.875.626
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(445.959.980)	106.972.515
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.120.000.000)	(266.104.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.120.000.000)	(266.104.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.865.843.888)	(981.616.110)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	4.787.739.116	5.740.565.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		104.334.354	28.789.572
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.026.229.582	4.787.739.116

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Đào Ngọc Bình

Kế toán trưởng



Đào Ngọc Bình

Tổng Giám đốc



Trần Thị Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1302/QĐ - UB ngày 18/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Thanh Hà. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103007196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2005. Theo Quyết định số 4380/QĐ - UB ngày 23/06/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà.

Sau khi được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 5,7 tỷ đồng, chia thành 57.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng, trong đó, phần vốn Nhà nước chiếm 30%.

Trong năm 2007, Công ty đăng ký với Ủy ban chứng khoán về việc trở thành công ty đại chúng và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 15/05/2007, với số vốn điều lệ là 12.700.000.000 đồng, chia thành 1.270.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - HAPROSIMEX (là đại diện sở hữu vốn Nhà nước) nắm giữ 342.000 cổ phần, chiếm 26,93% vốn điều lệ của Công ty;
- Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nắm giữ 331.990 cổ phần, chiếm 22,05% vốn điều lệ của Công ty;
- Các cổ đông khác nắm giữ 596.010 cổ phần, chiếm 46,93% vốn điều lệ của Công ty;

Số nhân viên trung bình của Công ty trong năm 2015 là: 12 (người)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh chè, khăn, quế;
- Sản xuất, chế biến và buôn bán các mặt hàng như: may mặc, dệt may, hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm, hải sản, dược liệu, khoáng sản phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- Đại diện thương mại;
- Kinh doanh giao nhận, vận chuyển hàng hoá; và
- Kinh doanh nhà hàng, cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

1.3 CHU KỲ KINH DOANH

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán. Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng thể hiện sự thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty đã trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số 29.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã được tự do mua bán trên thị trường được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính. Công ty sử dụng giá tham khảo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại thời điểm kết thúc năm tài chính để làm cơ sở trích lập dự phòng.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng bán của hầu hết các mặt hàng kinh doanh như: chè, quế, hạt tiêu và các mặt hàng khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng giá vốn của mặt hàng cà phê được xác định theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 20

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu "Thanh Hà" và "Haforexim" được xác định trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp đã được các cơ quan chức năng phê duyệt. Giá trị thương hiệu được khấu hao trong thời gian 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Trên Báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc. Việc ghi nhận giá trị của khoản đầu tư vào công ty con được thực hiện theo tiến độ góp vốn thực tế và được xác nhận vốn góp từ công ty con nhận khoản đầu tư.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm.

- Đối với các khoản chi phí chờ phân bổ, thời hạn phân bổ chi phí phù hợp với thời gian tham gia thực tế vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu.
- Đối với giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ dần, thời gian phân bổ là 2 năm.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

3.11 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Tỷ giá sử dụng để quy đổi doanh thu, thu nhập và các khoản phải thu là tỷ giá mua vào tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh; tỷ giá sử dụng để quy đổi chi phí và các khoản phải trả là tỷ giá bán ra tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam).
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tiền mặt, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có phát sinh giao dịch (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam). Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có phát sinh giao dịch (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập hoặc chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan của Công ty bao gồm: Công ty con - Công ty CP Xuất nhập khẩu Thanh Hà và các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	25.698.244	745.008
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.000.531.338	4.786.994.108
	1.026.229.582	4.787.739.116

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	458.250.000	343.620.800	(114.629.200)	458.250.000	309.354.000	(148.896.000)
+ Cổ phiếu VCB	292.162.000	221.738.900	(70.423.100)	292.162.000	161.632.000	(130.530.000)
+ Cổ phiếu STB	113.470.000	84.306.900	(29.163.100)	113.470.000	95.544.000	(17.926.000)
+ Cổ phiếu PVS	52.618.000	37.575.000	(15.043.000)	52.618.000	52.178.000	(440.000)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	13.377.000.288	(6.907.240.560)	8.686.510.790	(6.907.240.560)
- AMOROS S.A. MOGODAL	1.098.662.400	-	1.151.362.800	-
- AHMED MOHAMED SALEH BAESHEN & CO	1.837.645.040	-	-	-
- Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư M&M	3.232.500.000	-	-	-
- Công ty TNHH Tân Phú	5.357.572.740	(5.357.572.740)	5.357.572.740	(5.357.572.740)
- BNA METROPOLIS SP.ZOO	234.901.920	(223.805.840)	223.805.840	(223.805.840)
- Công ty Thiết bị phụ tùng TMT	73.422.926	(73.422.926)	73.422.926	(73.422.926)
- Công ty TNHH Tân Phú				
- Công ty CP XNK Thái Hà- Dương Thị Loan	560.462.500	(560.462.500)	560.462.500	(560.462.500)
- Công ty CP XNK Thanh Hà	721.093.083	(691.976.554)	721.093.083	(691.976.554)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	260.739.679	-	598.790.901	-
	13.377.000.288	(6.907.240.560)	8.686.510.790	(6.907.240.560)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

- Công ty CP XNK Thanh Hà	721.093.083	(691.976.554)	721.093.083	(691.976.554)
---------------------------	-------------	---------------	-------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty SHP Steriltecjnik AG (1)	15.048.543.824	(7.524.271.912)	15.048.543.824	(7.524.271.912)
Công ty Cổ phần XNK Công Chính (2)	80.857.705.516	(80.857.705.516)	80.857.705.516	(80.857.705.516)
Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh (3)	3.462.273.399	(3.462.273.399)	3.462.273.399	(3.462.273.399)
Cơ Sở Mua Bán Nông Sản Anh Minh (4)	1.762.262.800	(1.762.262.800)	1.762.262.800	(1.762.262.800)
Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt (5)	887.331.171	(887.331.171)	887.331.171	(887.331.171)
Hoàng Văn Hoan	93.452.000	(93.452.000)	93.452.000	(93.452.000)
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.529.808.191	-	5.126.509.571	-
	103.641.376.901	(94.587.296.798)	107.238.078.281	(94.587.296.798)

(1) Đây là số dư khoản ứng trước tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG (Gustav-Ricker-Phố 62, D-39120 Magdeburg/Đức) theo 02 hợp đồng; Hợp đồng bán hàng số SHP – THANHHA/01/08 ngày 10/04/2008 và Hợp đồng bán hàng số SHP – THANHHA/02/08 ngày 10/04/2008 về việc cung cấp các thiết bị y tế và dịch vụ đi kèm. Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà đã thực hiện ứng trước tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG theo các điều khoản thanh toán của Hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình đàm phán thực hiện hợp đồng, hai bên vẫn chưa kết thúc việc giao hàng; đến ngày 31/12/2010, LC mở để thực hiện hợp đồng này đã hết hạn và việc thực hiện hợp đồng đã dừng lại, hồ sơ đã đưa sang công an điều tra. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này việc thu hồi công nợ vẫn chưa thực hiện được. Tại ngày 31/12/2015, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản công nợ này theo thời hạn quá hạn của L/C với tỷ lệ trích lập là 50% giá trị khoản công nợ.

(2) Công ty Cổ phần XNK Công Chính: Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào "Biên bản hòa giải thành lập ngày 14/10/2011 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2011/TLST-KDTM ngày 03/10/2011", Tòa án Nhân dân Thành phố Lâm Đồng đã ra "Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 63/2011/QĐST-KDTM ngày 24/10/2011" với thỏa thuận như sau: Công ty CP Xuất nhập khẩu Công Chính có trách nhiệm trả cho Công ty CP Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà tổng số tiền là: 100.997.137.703 đồng (bao gồm: tiền mua hàng là 80.857.705.426 đồng, tiền lãi là 12.053.661.735 đồng, tiền phạt là 8.085.770.542 đồng), hồ sơ đã chuyển sang cơ quan thi hành án. Đến thời điểm Công ty lập Báo cáo tài chính này, vẫn chưa có quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục thanh lý và thanh toán khoản công nợ của Công ty CP XNK Công Chính cho các chủ nợ.

(3) Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh: Công ty đã thực hiện khởi kiện Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đã nhận được Bản án số 750/2013/KDTM-PT ngày 07/06/2013. Theo đó, công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải và Thương mại Hoàng Minh có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà số tiền là 3.518.602.782 đồng; thời hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 31/12/2013. Tuy nhiên, tới thời điểm lập Báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản công nợ trên.

(4) Cơ sở Mua bán Nông sản Anh Minh: Công ty đã thực hiện khởi kiện Ông Trần Quang Ba – chủ Cơ sở Mua bán Nông sản Anh Minh lên Tòa án Nhân dân huyện Di Linh – Lâm Đồng và đã nhận được bản án số: 09/2014/KDTM-ST ngày 27/08/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP)

(5) Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt: Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào Biên bản hòa giải thành lập ngày 01/08/2011 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2011/TLST-KDTM ngày 15/06/2011; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án Nhân dân huyện Xuân Lộc – Tỉnh Đồng Nai ngày 09/08/2011. Theo Quyết định này, Ông Lê Thao – chủ Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt và bà Trương Thị Hương liên đới thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà số tiền 1.064.131.907 đồng; đồng thời kể từ ngày bản án có hiệu lực chịu lãi chậm trả hàng tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Tuy nhiên tới thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản công nợ trên nên đã tiến hành trích lập dự phòng 100%.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.381.175.602	-	1.257.045.472	-
- Tạm ứng	194.009.533	-	142.850.888	-
- Thuế GTGT đề nghị hoàn	1.180.396.801	-	1.109.076.490	-
- Phải thu khác	6.769.268	-	5.118.094	-
	1.381.175.602	-	1.257.045.472	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	869.787.250	-	788.260.716	-
	869.787.250	-	788.260.716	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2015	11.426.608.654	477.363.200	2.802.297.130	174.833.376	723.141.877	15.604.244.237
- Tăng khác	-				606.960.000	606.960.000
31/12/2015	<u>11.426.608.654</u>	<u>477.363.200</u>	<u>2.802.297.130</u>	<u>174.833.376</u>	<u>1.330.101.877</u>	<u>16.211.204.237</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2015	(5.681.109.909)	(394.775.200)	(1.979.237.424)	(174.833.376)	(538.570.848)	(8.768.526.757)
- Khấu hao trong năm	(533.809.398)	(37.540.000)	(254.752.627)	-	(79.865.718)	(905.967.743)
31/12/2015	<u>(6.214.919.307)</u>	<u>(432.315.200)</u>	<u>(2.233.990.051)</u>	<u>(174.833.376)</u>	<u>(618.436.566)</u>	<u>(9.674.494.500)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2015	<u>5.745.498.745</u>	<u>82.588.000</u>	<u>823.059.706</u>	<u>-</u>	<u>184.571.029</u>	<u>6.835.717.480</u>
31/12/2015	<u>5.211.689.347</u>	<u>45.048.000</u>	<u>568.307.079</u>	<u>-</u>	<u>711.665.311</u>	<u>6.536.709.737</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng tại ngày 31/12/2015 là: 3.541.864.076 đồng.
Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.915.407.070 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2015	646.610.265	297.058.533	943.668.798
- Mua trong năm	-	-	-
31/12/2015	<u>646.610.265</u>	<u>297.058.533</u>	<u>943.668.798</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2015	(359.623.279)	(259.926.214)	(619.549.493)
- Khấu hao trong năm	(32.330.514)	(7.426.465)	(39.756.979)
31/12/2015	<u>(391.953.793)</u>	<u>(267.352.679)</u>	<u>(659.306.472)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2015	<u>286.986.986</u>	<u>37.132.319</u>	<u>324.119.305</u>
31/12/2015	<u>254.656.472</u>	<u>29.705.854</u>	<u>284.362.326</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Số dư khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31/12/2015 với số tiền 2.907.000.000 VND là giá trị vốn góp đầu tư bằng nhà xưởng và máy móc thiết bị sản xuất vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thanh Hà; nắm giữ 290.700 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ của công ty con. Khoản đầu tư này được phản ánh theo nguyên tắc giá gốc và đã được trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 100% giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	77.134.994.879	-	53.753.225.304	28.419.042.775	51.800.812.350	-
- Sở GD Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam (VND)	9.797.848.428	-	-	120.000.000	9.917.848.428	-
- Sở GD Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam (USD)	11.917.336.990	-	715.222.153	121.871.744	11.323.986.581	-
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (*)	53.037.294.271	-	53.038.003.151	708.880	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	-	-	-	28.176.462.151	28.176.462.151	-
- Vay cá nhân	2.382.515.190	-	-	-	2.382.515.190	-
	77.134.994.879	-	53.753.225.304	28.419.042.775	51.800.812.350	-

(*) Theo Biên bản Xác nhận, chuyển giao nợ và nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội; Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và Công ty ngày 27/03/2015: toàn bộ phần dư nợ vay và hồ sơ khoản nợ vay (bản gốc) của Công ty với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội được chuyển đổi sang chủ nợ mới là Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	3.751.832.942	3.751.832.942	414.258.339	414.258.339
- Nguyễn Minh Tâm	3.225.000.000	3.225.000.000	-	-
- CT CP nhựa Hưng yên	-	-	107.653.880	107.653.880
- Công ty CP XNK Thanh Hà	184.723.442	184.723.442	64.922.000	64.922.000
- Hàng nhập khẩu - Nguyễn Văn Báo	-	-	153.449.799	153.449.799
- Các đối tượng khác	342.109.500	342.109.500	88.232.660	88.232.660
	3.751.832.942	3.751.832.942	414.258.339	414.258.339
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty CP XNK Thanh Hà	184.723.442	184.723.442	64.922.000	64.922.000
	184.723.442	184.723.442	64.922.000	64.922.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Cty Cổ phần Thương mại Công Nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công Trình (*)	8.239.233.111	8.239.233.111
Đối tượng khác	496.164.770	659.750.403
	8.735.397.881	8.898.983.514

(*) Trong số dư người mua trả tiền trước bao gồm: 8.239.233.111 đồng là số tiền trả trước của Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công trình (nay là Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam) theo hai hợp đồng kinh tế: Hợp đồng kinh tế số 088 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 và Hợp đồng kinh tế số 089 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 về việc cung cấp 02 hệ thống xét nghiệm di động & 02 hệ thống khử khuẩn cho Bộ Y tế Việt Nam sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức thông qua Ngân hàng Tài thiết Đức (Kfw).

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, việc nhập hàng đã bị dừng lại (với nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG – chi tiết tại Thuyết minh số 7). Do đó, việc giao hàng chưa được thực hiện cho Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam.

Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam đã có công văn yêu cầu đơn phương chấm dứt hai hợp đồng nói trên với Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà. Tuy nhiên, nghĩa vụ trả nợ giữa Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà với Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam vẫn đang được cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra và chưa có phán quyết cuối cùng.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	79.737.327.085	71.259.668.469
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	-	26.593.024.318
- Sở GD Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	14.915.177.353	12.070.038.222
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	64.822.149.732	32.596.605.929
Phải trả khác	311.216.584	320.965.936
	80.048.543.669	71.580.634.405

(*) Khoản chi phí lãi vay được chuyển giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam theo biên bản ngày 27/03/2015 ký giữa 3 bên: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (chủ nợ mới); Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (chủ nợ cũ) và Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thanh Hà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	9.081.673	31.166.586
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (*)	-	31.861.541.000
- Các khoản phải trả, phải nợ khác	-	253.875.521
	9.081.673	32.146.583.107

(*) Theo Biên bản làm việc về thỏa thuận các nội dung chính của phương án xử lý nợ, tái cơ cấu tài chính cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà giữa các bên ngày 10/12/2011, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam sẽ triển khai việc đàm phán và mua lại các khoản nợ của Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình. Trên cơ sở kết quả đạt được về việc mua nợ tồn đọng của các Ngân hàng, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam sẽ xem xét giảm trừ trách nhiệm trả nợ theo quy định hiện hành (dự kiến mức tối đa khoảng 50 tỷ đồng) cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà, giúp Công ty lành mạnh hóa tình hình tài chính để phát triển sản xuất kinh doanh.

Theo Biên bản Xác nhận, chuyển giao nợ và nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Ba Đình; Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và Công ty ngày 10/05/2012: toàn bộ phần dư nợ vay và hồ sơ khoản nợ vay (bản gốc) của Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Ba Đình được chuyển đổi sang chủ nợ là Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam. Lãi suất tính trên dư nợ gốc áp dụng theo Thông tư số 161/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
01/01/2014	12.700.000.000	3.500.000.000	7.206.100.547	1.454.008.778	(147.781.602.262)	(122.921.492.937)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(13.831.898.348)	(13.831.898.348)
31/12/2014	12.700.000.000	3.500.000.000	7.206.100.547	1.454.008.778	(161.613.500.610)	(136.753.391.285)
01/01/2015	12.700.000.000	3.500.000.000	8.660.109.325	-	(161.613.500.610)	(136.753.391.285)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(7.780.272.723)	(7.780.272.723)
31/12/2015	12.700.000.000	3.500.000.000	8.660.109.325	-	(169.393.773.333)	(144.533.664.008)

(*): Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, không còn khoản mục Quỹ dự phòng tài chính trên Bảng Cân đối kế toán, theo đó Công ty phân loại số dư Quỹ dự phòng tài chính tại ngày 01/01/2015 vào Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	6.739.900.000	53,07%	6.739.900.000	53,07%
Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Tổng hợp	3.420.000.000	26,93%	3.420.000.000	26,93%
Ông Nguyễn Văn Hợp - Chủ tịch HĐQT	1.637.000.000	12,89%	1.637.000.000	12,89%
Bà Bùi Thị Thu Hà - Ủy viên HĐQT	630.600.000	4,97%	630.600.000	4,97%
Bà Nguyễn Thị Bình - Ủy viên HĐQT	374.000.000	2,94%	374.000.000	2,94%
Ông Nguyễn Ngọc Vân - Ủy viên HĐQT	678.300.000	5,34%	678.300.000	5,34%
Các cổ đông khác	5.960.100.000	46,93%	5.960.100.000	46,93%
	12.700.000.000	39,82%	12.700.000.000	39,82%

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại		
- USD	6.064,98	7.707,22
- EUR	138,24	138,24

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.122.757.016	38.900.578.469
	42.122.757.016	38.900.578.469
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty CP XNK Thanh Hà	23.719.569	122.546.341
	23.719.569	122.546.341

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	35.924.264.215	34.808.229.673
	35.924.264.215	34.808.229.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.183.520	437.967.626
Cổ tức lợi nhuận được chia	7.512.500	9.908.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	110.230.230	-
	187.926.250	447.875.626

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	8.443.391.816	12.228.099.591
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	473.951.458	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.504.304	169.398.862
	8.934.847.578	12.397.498.453

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí vận chuyển	1.204.795.628	1.304.744.823
Phí ngân hàng	105.231.554	103.166.110
Chi phí bằng tiền khác	283.813.003	111.372.274
	1.593.840.185	1.519.283.207

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	72.000.000	223.692.382
Chi phí vật liệu quản lý	-	1.513.543
Chi phí khấu hao TSCĐ	945.724.722	1.119.413.144
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	223.805.840
Chi phí bằng tiền khác	3.060.331.882	2.925.997.527
	4.078.056.604	4.494.422.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý nhượng bán Tài sản cố định	-	30.000.000
Tiền phân chia GTTS Công ty Xanh Cà phê	-	8.721.326
Các khoản khác	440.052.593	360.000
	440.052.593	39.081.326

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính này.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lí rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

Các loại công cụ tài chính

Tại ngày 31/12/2015 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.026.229.582	4.787.739.116
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	343.620.800	309.354.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.469.759.728	2.891.434.780
	7.839.610.110	7.988.527.896
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	77.134.994.879	51.800.812.350
Phải trả người bán	3.742.751.269	414.258.339
Chi phí phải trả	80.048.543.669	71.580.634.405
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	32.146.583.107
	160.926.289.817	155.942.288.201
Trạng thái ròng	(153.086.679.707)	(147.953.760.305)

Quản lí rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu đồng thời thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các mã chứng khoán có giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	77.134.994.879	-	77.134.994.879
Phải trả người bán	3.742.751.269	-	3.742.751.269
Chi phí phải trả	80.048.543.669	-	80.048.543.669
Phải trả, phải nộp khác	-	-	-
	160.926.289.817	-	160.926.289.817
01/01/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	51.800.812.350	-	51.800.812.350
Phải trả người bán	414.258.339	-	414.258.339
Chi phí phải trả	71.580.634.405	-	71.580.634.405
Phải trả, phải nộp khác	32.146.583.107	-	32.146.583.107
	155.942.288.201	-	155.942.288.201

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang nỗ lực để tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.026.229.582	-	1.026.229.582
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	343.620.800	-	343.620.800
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.469.759.728	-	6.469.759.728
Cộng	7.839.610.110	-	7.839.610.110
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.787.739.116	-	4.787.739.116
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	309.354.000	-	309.354.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.891.434.780	-	2.891.434.780
Cộng	7.988.527.896	-	7.988.527.896

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty không đầu tư mới trong năm. Đối với các khoản phải thu (bao gồm: phải thu khách hàng và trả trước cho người bán) đều có rủi ro cao và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ đồng thời vẫn tiếp tục nỗ lực để thu hồi công nợ.

